

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Sông Mã,
huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đến năm 2035; Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 và Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 22/3/2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 12 /TT-SXD ngày 18 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đến năm 2035.

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã và 09 bản thuộc xã Nà Nghịu, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp bản Phòng Sài, bản Nà Hìn xã Nà Nghịu;
- Phía Nam giáp sông Mã, bản Pá Công xã Huổi Một;
- Phía Đông giáp xã Chiềng Khoong, bản Thón xã Nà Nghịu;
- Phía Tây giáp đất lâm nghiệp xã Nà Nghịu và xã Huổi Một.

1.2. Quy mô quy hoạch

- Quy mô lập quy hoạch khoảng 1.504,12 ha;
- Quy mô dân số:
- + Dự báo quy hoạch đến năm 2030 khoảng 25.000 người;
- + Đến năm 2035 khoảng 30.000 người.

2. Mục tiêu

- Phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Phù hợp với định hướng Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Định hướng phát triển không gian kiến trúc đô thị, quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng theo quy định và làm cơ sở để thực hiện việc nâng cấp đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV;

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai và hệ thống cơ sở hạ tầng đã có. Tận dụng các lợi thế sẵn có về giao thông, cảnh quan và quỹ đất xây dựng, cải tạo nâng cấp, chỉnh trang đô thị đáp ứng các yêu cầu về đất ở, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan môi trường, đảm bảo phát triển bền vững;

- Tạo cơ sở để huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội, là cơ sở pháp lý để quản lý và đầu tư xây dựng trong khu quy hoạch.

3. Tính chất

- Là đô thị hạt nhân phía Tây Nam của tỉnh với chức năng là trung tâm giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội của vùng biên giới Việt - Lào;

- Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, thể dục thể thao của huyện Sông Mã, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

4. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng

4.1. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích lập quy hoạch 1.504,12 ha, trong đó đất xây dựng đô thị:

- Đến năm 2030 khoảng 451,89 ha;
- Đến năm 2035 khoảng 535,73 ha.

ST T	Mục đích sử dụng đất	Giai đoạn đến năm 2030		Giai đoạn đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất quy hoạch xây dựng đô thị	451,89		535,73	
I.1	Đất dân dụng	345,14	100	438,27	100
1	Đất công cộng	4,00	1,16	6,53	1,49
1.1	Đất công cộng đô thị	3,20	0,93	5,50	1,25
1.2	Đất công cộng đơn vị ở	0,80	0,23	1,03	0,23
2	Đất giáo dục	7,40	2,14	11,72	2,67
2.1	Đất trường THPT	3,20	0,93	7,90	1,80
2.2	Đất trường mầm non, TH, THCS	4,20	1,22	3,83	0,87
3	Đất cây xanh	42,64	12,35	63,25	14,43
3.1	Đất cây xanh TDTT	7,52	2,18	18,58	4,24
3.2	Đất cây xanh đô thị	32,20	9,33	41,75	9,53
3.3	Đất cây xanh cảnh quan	2,92	0,85	2,92	0,67
4	Đất đơn vị ở	227,43	65,90	269,63	61,52
4.1	Đất ở mới	31,57	9,15	70,29	16,04
4.2	Đất ở hiện trạng	195,86	56,75	199,34	45,48
5	Đất bãi đỗ xe	0,17	0,05	0,17	0,04
6	Đất giao thông	63,50	18,40	86,97	19,84
I.2	Đất ngoài dân dụng	106,75		97,46	
1	Đất công nghiệp	6,58		6,58	
2	Đất hỗn hợp - TMDV	4,34		10,28	
2.1	Đất hỗn hợp	3,26		8,37	
2.2	Đất thương mại dịch vụ	1,08		1,91	
3	Đất trung tâm nghiên cứu đào tạo	0,39		0,39	
4	Đất cơ quan	5,49		5,49	
5	Đất trung tâm y tế	3,96		3,96	
5.1	Đất bệnh viện đa khoa huyện	3,63		3,63	
5.2	Đất trung tâm y tế huyện	0,24		0,24	
5.3	Đất trạm y tế thị trấn	0,09		0,09	
6	Đất công trình đầu mối HKT	1,22		1,22	

ST T	Mục đích sử dụng đất	Giai đoạn đến năm 2030		Giai đoạn đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
7	Đất cây xanh cách ly, nhà tang lễ	10,48		10,48	
8	Đất an ninh, quốc phòng	5,35		5,35	
9	Đất tôn giáo tín ngưỡng	4,98		4,98	
10	Đất nghĩa trang	5,36		0,85	
11	Đất bến xe	0,64		0,64	
12	Đất dự trữ	39,42		24,60	
13	Đất giao thông đối ngoại	18,54		22,63	
II	Đất khác	1.052,23		968,39	
1	Đất nông nghiệp công nghệ cao	8,47		8,07	
2	Đất nông nghiệp	367,25		295,48	
3	Đất rừng sản xuất	465,09		465,09	
4	Đất rừng phòng hộ	130,66		130,66	
5	Đất sông suối, mặt nước (sông Mã, hành lang kè bờ, ao nuôi thủy sản)	80,75		69,09	
Tổng cộng		1.504,12		1.504,12	

4.2. Phân khu chức năng

Các khu chức năng chính trong khu quy hoạch gồm:

- Khu trung tâm hành chính - chính trị cấp huyện, thị trấn;
- Khu công trình công cộng;
- Khu cây xanh, công viên, thể dục thể thao;
- Khu thương mại, dịch vụ hỗn hợp, tôn giáo tín ngưỡng;
- Khu vực phát triển công nghiệp (*nhà máy gạch hiện trạng*);
- Khu An ninh - Quốc phòng;
- Khu ở (*khu ở chỉnh trang và khu ở mới*);
- Khu vực dự trữ phát triển.

5. Định hướng phát triển không gian đô thị

- Trục chính được xác định là trục Quốc lộ 4G kết nối từ khu vực thị trấn hiện hữu đến khu vực phía Tây thị trấn;

- Định hướng phát triển của Thị trấn sông Mã trong tương lai tập trung về phía Tây qua Sông Mã và phía Đông Nam;

- Khai thác cảnh quan thiên nhiên, địa hình 2 bên bờ sông Mã định hướng khu vực này trở thành khu cây xanh cảnh quan lõi đô thị. Phát triển tuyến giao thông chạy dọc theo chiều dài sông Mã kết nối đô thị từ phía Bắc xuống phía Nam, đồng thời hình thành các tuyến giao thông trục ngang tạo mối liên kết đô thị giữa hai bên bờ sông Mã.

6. Định hướng quy hoạch phát triển các khu chức năng chính

6.1. Khu hành chính, cơ quan

- Trung tâm hành chính - chính trị cấp huyện (*Huyện ủy, Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện*): Quy hoạch chỉnh trang theo hiện trạng;

- Trung tâm hành chính - chính trị thị trấn: Quy hoạch mới Trung tâm hành chính - chính trị thị trấn Sông Mã, kết hợp trụ sở công an thị trấn, Ban chỉ huy quân sự thị trấn sắp xếp, bố trí tại vị trí khu đất Trung tâm giáo dục thường xuyên cũ;

- Quy hoạch bổ sung đất Trụ sở công an thị trấn tại khu vực phát triển đô thị mở rộng (*vị trí thuộc bản Nà Nghịu và Nà Nghịu II*);

- Các công trình khác cơ bản quy hoạch chỉnh trang theo hiện trạng;

- Quy hoạch quỹ đất cơ quan mới (dự kiến) bố trí tại phía Tây sông Mã thuộc khu đô thị Hưng Mai.

6.2. Khu văn hóa, thể thao

- Khu trung tâm văn hóa huyện quy hoạch chỉnh trang theo hiện trạng;

- Quy hoạch mới 01 sân thể thao cấp đô thị tại Khu 6 thị trấn Sông Mã;

- Duy trì hệ thống các nhà văn hóa đơn vị ở cho các hoạt động của cộng đồng dân cư với bán kính phục vụ khoảng 500m. Các sân thể thao cấp đơn vị ở được kết hợp nhà văn hóa đơn vị ở.

6.3. Khu y tế

- Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm y tế huyện: Quy hoạch chỉnh trang theo hiện trạng;

- Quy hoạch mới 01 trạm y tế thị trấn tại Khu 9 thị trấn Sông Mã.

6.4. Khu giáo dục đào tạo

- Hệ thống giáo dục đào tạo của huyện và thị trấn hiện nay tương đối hoàn chỉnh, trong phương án quy hoạch sẽ thực hiện chỉnh trang, nâng cấp các cơ sở giáo dục hiện có, đồng thời quy hoạch mới 01 trường THPT và THPT dân tộc nội trú tại bản Nà Nghịu;

- Vị trí Trường THCS, Tiểu học thị trấn chuyển sang đất trường THPT và THPT dân tộc nội trú cũ. Đất trường THCS, Tiểu học hiện trạng của thị trấn định hướng sang đất dịch vụ hỗn hợp;

- Bố trí đất xây dựng trường học và mầm non trên các đơn vị ở mới, kết

hợp cùng hệ thống các trường sẵn có để đáp ứng đủ bán kính phục vụ khoảng 1.000m của hệ thống giáo dục phổ thông.

6.5. Khu thương mại, dịch vụ hỗn hợp, tôn giáo tín ngưỡng

- Chợ thị trấn được quy hoạch chỉnh trang theo hiện trạng. Hệ thống chợ đơn vị ở, phục vụ nhu cầu hàng ngày, được quy hoạch gắn với các khu vực bãi đỗ xe, cây xanh cảnh quan trong các đơn vị ở;

- Trung tâm dịch vụ thương mại cấp huyện được quy hoạch dọc trục đường QL4G, đường QL12 và trục đường khu vực có quy mô Bn=21m (*đường bờ sông phía Tây Sông Mã*);

- Quy hoạch Khu dịch vụ văn hoá tâm linh tại phía Đông thị trấn Sông Mã phục vụ nhu cầu văn hoá tâm linh trên địa bàn huyện.

6.6. Hệ thống cây xanh, công viên, quảng trường

- Công viên cây xanh, quảng trường trung tâm quy hoạch mới tại phía Tây thị trấn dọc theo trục đường Bn=21m và tại khu vực bản Hung Mai;

- Các khu vườn hoa, cây xanh quy mô nhỏ bố trí lân cận các khu chức năng, khu ở nhằm tạo ra không gian sinh hoạt cộng đồng và khuôn viên xanh cho đô thị.

6.7. Các khu dân cư

- Các khu dân cư được quy hoạch đến cấp đơn vị ở. Mỗi đơn vị ở có trung tâm công cộng phục vụ các hoạt động hàng ngày, bao gồm: chợ xép, nhà văn hóa, giáo dục đến cấp tiểu học, vườn cây xanh, thể thao, ... Bán kính phục vụ các trung tâm công cộng đơn vị ở là từ khoảng cách tối ưu 500m đến 1.000m.

- Định hướng đến năm 2035 thị trấn sông Mã hình thành 05 đơn vị ở.

6.8. Khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Hoạt động sản xuất công nghiệp trong phạm vi thị trấn là Nhà máy gạch tuynel Quyết Tiến (*hiện trạng*) ở phía Đông Nam thị trấn;

- Các hoạt động công nghiệp khác sẽ từng bước định hướng quy hoạch vào cụm công nghiệp tập trung tại phía Tây Bắc thị trấn dọc theo QL12 cách thị trấn khoảng 10 km.

6.9. Khu vực an ninh quốc phòng

- Về an ninh: Công an huyện thực hiện chỉnh trang theo hiện trạng. Quy hoạch mới đất Công an Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ kết hợp bên lấy nước PCCC, vệ sinh môi trường đô thị tại vị trí tiếp giáp với bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã với quy mô khoảng 1,52 ha và tại bản Nà Nghịu quy mô khoảng 0,53 ha thuộc phía Tây Bắc thị trấn;

- Về quốc phòng: Giữ nguyên vị trí huyện đội, trận địa pháo 12,7 mm theo hiện trạng và đầu tư theo hướng chỉnh trang.

6.10. Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống bến xe, bãi đỗ xe: Bến xe Sông Mã được bố trí trên tuyến đường Hoàng Công Chất (QL 12), quy mô khoảng 0,64ha, có chức năng vận chuyển hành khách và hàng hóa đi Sơn La và các vùng trong ngoài thị trấn. Các bãi đỗ xe khác được bố trí phân tán trong khu vực dân dụng với bán kính phục vụ từ 500m - 1000m;

- Hệ thống các trạm biến áp cũng như các đường dây truyền tải điện được cách ly với hầu hết các khu vực dân dụng và có hành lang an toàn theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Ưu tiên giải pháp hạ ngầm lưới điện trung áp trong khu vực quy hoạch;

- Các nghĩa trang phân tán trong đô thị sẽ thực hiện đóng cửa và di dời theo kế hoạch.

6.11. Các khu vực khác

- Quy hoạch bảo vệ hiện trạng khu sản xuất và nuôi ba ba thương phẩm quy mô 8,07 ha. Ứng dụng công nghệ cao mang lại năng suất cao, chất lượng tốt góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống người dân khu vực;

- Đất nông nghiệp, trồng cây lâu năm (có độ dốc dưới 30%) với quy mô khoảng 295,48 ha đang sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm, lâu năm, trong giai đoạn quy hoạch có thể xem xét chuyển đổi sang các loại cây trồng có năng suất và giá trị cao;

- Đất rừng sản xuất với quy mô 465,09 ha là các khu vực đồi núi dốc, chủ yếu thuận lợi cho phát triển sản xuất và kinh doanh lâm sản, đặc sản rừng, động vật rừng kết hợp phòng hộ;

- Đất rừng phòng hộ với quy mô 130,66 ha chủ yếu được giữ lại trên cơ sở hiện trạng để đảm bảo bảo vệ nguồn nước, nguồn đất,...; được quản lý và bảo tồn theo quy định của luật Lâm nghiệp;

- Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng có vai trò quan trọng cần được bảo vệ bao gồm: Sông Mã, suối Nậm Công và các chi lưu thuộc Sông Mã có vai trò thoát nước quan trọng.

7. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

7.1. Giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường Lê Hồng Phong: Quy mô $B_n = 18,5m$, $B_m = 10,5m$, $B_h = 2 \times 4m$;

- Đường Mừng 8 tháng 3: Quy mô $B_n = 20,5m$, $B_m = 10,5m$, $B_h = 2 \times 5m$;

- Quốc lộ 37 (Nà Nhieu - Chiềng Noi - Phiêng Cầm - Nà Ót): Đoạn qua thị trấn có quy mô $B_n = 20,5m$, $B_m = 10,5m$, $B_h = 2 \times 5m$;

- Quốc lộ 12 (Nà Nhieu - Mường Lầm - Bó Sinh): Đoạn qua thị trấn có quy mô $B_n = 20,5m$, $B_m = 10,5m$, $B_h = 2 \times 5m$;

- Đường tỉnh 113 (*Nà Nghịu – Nậm Ty- Chiềng Phung*): Đoạn qua thị trấn có quy mô $B_n = 13m$, $B_m = 7,0m$, $B_h = 2 \times 3m$.

b) Giao thông đối nội:

- Quy mô mặt cắt các tuyến giao thông trong hồ sơ quy hoạch:

+ Mặt cắt 1-1: Quy mô $B_n = 21,0m$, $B_m = 15m$, $B_h = 2 \times 3m$;

+ Mặt cắt 2-2: Quy mô $B_n = 20,5m$, $B_m = 10,5m$, $B_h = 2 \times 5m$;

+ Mặt cắt 3-3: Quy mô $B_n = 18,5m$, $B_m = 10,5m$, $B_h = 2 \times 4m$;

+ Mặt cắt 4-4: Quy mô $B_n = 16,5m$, $B_m = 10,5m$, $B_h = 2 \times 3m$;

+ Mặt cắt 5-5: Quy mô $B_n = 15,0m$, $B_m = 9,0m$, $B_h = 2 \times 3m$;

+ Mặt cắt 6-6: Quy mô $B_n = 13,0m$, $B_m = 7,0m$, $B_h = 2 \times 3m$.

- Dự kiến quy hoạch xây dựng 06 cầu cứng qua Sông Mã (*gồm Cầu: Nà Hin, Hoàng Văn Thụ, 19/5, Hưng Mai, Nang Cầu và Hải Sơn*);

- Bến xe Sông Mã được bố trí trên tuyến Quốc lộ 12, phía Tây Bắc khu quy hoạch với quy mô khoảng 0,64 ha. Ngoài ra bố trí 01 bến xe tại phía Đông Nam thị trấn tiếp giáp với trục đường 4G, có quy mô khoảng 0,16 ha;

- Giao thông đường thủy thực hiện theo Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 5/8/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020.

7.2. San nền và thoát nước mưa

a) San nền:

- San nền trên cơ sở bám sát địa hình tự nhiên, tránh đào đắp lớn, chọn giải pháp san nền nền cục bộ, độ dốc đảm bảo thoát nước mặt tự chảy;

- Nền xây dựng phải đảm bảo hài hoà về cảnh quan, không ảnh hưởng tới hướng thoát nước đã có.

b) Thoát nước mưa:

- Quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thoát nước thải, bố trí rãnh thoát nước dọc theo các trục đường giao thông;

- Thoát nước tự chảy theo độ dốc nền địa hình tự nhiên hướng về Sông Mã và theo độ dốc dọc đường giao thông;

- Chia khu vực thành 2 lưu vực thoát nước chính: Lưu vực phía Đông và lưu vực phía Tây.

7.3. Cấp nước

- Dự báo tổng nhu cầu dùng nước cho toàn khu đến năm 2035 khoảng 7.750 m³/ngày đêm. Nguồn cấp nước được lấy từ nhà máy cấp nước sông Mã và vùng lân cận;

- Để đảm bảo cấp nước theo giai đoạn quy hoạch dự kiến cải tạo nâng cấp Nhà máy cấp nước Sông Mã tăng công suất đến năm 2035 là 7.750 m³/ngày đêm (*công suất hiện trạng là 1.600 m³/ngày đêm*);

- Mạng lưới đường ống cấp nước sử dụng ống HDPE được thiết kế theo mạng vòng kết hợp một số nhánh cụt có dài điều hoà đầu mạng lưới đảm bảo cung cấp nước liên tục đủ áp lực, đảm bảo đủ lưu lượng đến các khu chức năng. Mạng lưới gồm những đường ống truyền dẫn có đường kính từ D200 mm đến D300 mm, đường ống phân phối có đường kính D110-D160mm và đường ống dịch vụ D34-D75mm;

- Cấp nước cứu hỏa: Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt, nguồn nước cứu hỏa được lấy từ các trụ cứu hỏa trên mạng lưới. Ngoài ra, dọc theo hai bên bờ sông Mã có quy hoạch 06 bến lấy nước phục vụ công tác PCCC.

7.4. Cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc

a) Cấp điện:

- Dự kiến tổng nhu cầu cấp điện toàn khu vực khoảng 19.206 KVA. Nguồn cấp điện chính cấp cho thị trấn Sông Mã lấy từ trạm biến áp 110KV/35/22kV công suất 1x25MVA Sông Mã tại xã Huổi Một;

- Để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện vùng huyện Sông Mã, Sốp Cộp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 định hướng quy hoạch bổ sung thêm 01 trạm biến áp 110kV 2x25MVA trong giai đoạn 2031 – 2035 tại khu vực xã Chiềng Khoong với công suất 2x25MVA-110/35/22kV đấu nối transit lên đường dây 110kV Tà Cọ - Mường Hung;

- Tuyến cáp cấp điện xây dựng mới được hạ ngầm nhằm đảm bảo cảnh quan đô thị;

- Các trạm biến áp quy hoạch xây dựng mới: Tổng số 26 trạm với tổng công suất khoảng 10.950kVA, sử dụng trạm có công suất thông dụng từ 180KVA - 630KVA;

- Các trạm biến áp hiện trạng: Cải tạo, nâng cấp một số trạm biến áp hiện trạng bảo đảm tổng công suất khoảng 8.320kVA.

b) Thông tin liên lạc:

Tổng nhu cầu thuê bao viễn thông toàn thị trấn đến năm 2035 khoảng 92.610 thuê bao;

- Bưu chính: Mở rộng phát triển các điểm đại lý bưu điện trên địa bàn thị trấn. Giai đoạn sau năm 2030 phát triển thêm 01 điểm đại lý bưu điện tại phía Tây thị trấn Sông Mã;

- Viễn thông: Phát triển mạng hạ tầng viễn thông theo hướng công nghệ hiện đại, từng bước thực hiện ngầm hóa các tuyến cáp quang. Mạng thông tin di động phát triển mở rộng vùng phủ sóng băng rộng di động, đảm bảo đáp ứng đủ lưu lượng mạng và chuyển đổi công nghệ theo định hướng 4G, 5G hướng đến cung cấp các dịch vụ đa phương tiện trên di động;

- Phát thanh, truyền hình: Phát sóng phát thanh song song cả hai hình thức số và tương tự và chuyển sang phát thanh số vào năm 2030. Duy trì, nâng cấp

trạm phát lại truyền dẫn, phát sóng DVB-T2 tại Trung tâm huyện Sông Mã; nghiên cứu mở rộng vùng phủ từ Trung tâm thị trấn đến các vùng lân cận.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Dự báo tổng lưu lượng nước thải đến năm 2035 khoảng 5.500 m³/ngđ;
- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa đảm bảo khả năng tiêu thoát và vệ sinh môi trường. Trạm xử lý nước thải có công suất khoảng 5.500 m³/ngđ đặt tại phía Nam thị trấn;
- Hệ thống thoát nước thải của thị trấn cơ bản tự chảy theo địa hình tự nhiên về giếng kỹ thuật sau đó qua trạm bơm chuyển bậc và các tuyến ống áp lực dẫn nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn cột B sẽ thoát vào đường ống thoát nước mưa.

b) Chất thải rắn:

- Trong các khu chức năng, khu ở, bố trí các điểm thu gom rác đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, rác thải được thu gom về khu xử lý rác chung của huyện Sông Mã cách thị trấn khoảng 7,5 km về phía Tây Nam;
- Đối với các nghĩa địa hiện trạng nằm gần các khu dân cư, đề xuất hạn chế sử dụng và tiến tới dừng hoạt động sau đó quy hoạch thành các khuôn viên cây xanh, khu cây xanh cách ly... Nghĩa trang nhân dân thị trấn Sông Mã quy hoạch tập trung tại bản Nà Nghịu, xã Nà Nghịu (*nằm ngoài ranh giới thị trấn*), cách trung tâm huyện khoảng 3,0km.

8. Thiết kế đô thị

- Xác định điểm nhấn chính trong đô thị, vị trí sẽ xây dựng các công trình kiến trúc mang tính biểu tượng của thị trấn Sông Mã giàu tính biểu trưng đặc thù của địa phương. Công trình kết hợp với không gian mở xung quanh tạo điểm nhấn không gian cảnh quan đô thị;
- Khu vực dọc Sông Mã bố trí quảng trường cây xanh, vườn hoa, đường dạo và các công trình có tính kiến trúc mỹ thuật cao như: Tượng đài, phù điêu, các điểm dừng chân,... kết hợp với ánh sáng, mặt nước mang tính mỹ thuật cao và hoành tráng và đặc biệt là cải thiện vi khí hậu cho toàn đô thị và có bản sắc riêng cho thị trấn Sông Mã;
- Các công trình cầu qua sông Mã phải được thi tuyển kiến trúc trước khi đầu tư xây dựng theo quy định của Luật Kiến trúc năm 2019.

9. Đánh giá môi trường chiến lược

- Đánh giá đầy đủ các tác động môi trường, bao gồm: Tiếng ồn, khói bụi, ô nhiễm nguồn nước, thảm thực vật...trong quá trình xây dựng, phát triển đô thị;
- Có đề xuất các biện pháp giảm thiểu thiên tai, tiếng ồn, bảo vệ môi trường đất, bảo vệ môi trường không khí, bảo vệ môi trường nước.

10. Chương trình đầu tư

10.1. Tổng mức đầu tư

Khái toán tổng kinh phí đầu tư xây dựng toàn đô thị theo quy hoạch dự kiến khoảng 3.263,0 tỷ đồng. Trong đó:

- Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng đến năm 2030: khoảng 2.255,0 tỷ đồng;
- Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng đến năm 2035: khoảng 1.008,0 tỷ đồng.

10.2. Phân kỳ đầu tư

- Giai đoạn I (*đến năm 2030*): Thực hiện công tác cắm mốc, triển khai các quy hoạch chi tiết, chuẩn bị đầu tư, bồi thường và giải phóng mặt bằng; Tập trung phát triển đô thị khu vực dọc đường Quốc lộ 4G, Quốc lộ 12 và đường Cách mạng tháng 8;

- Giai đoạn II (*đến năm 2035*): Đầu tư xây dựng hoàn thiện các khu chức năng đã hoạch định trong giai đoạn I. Triển khai các khu đô thị mới, chỉnh trang đô thị hiện trạng; Khuyến khích và thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ; Xây dựng các khu chức năng như: Công viên, quảng trường, vườn hoa...; Đầu tư nâng cấp mở rộng các cơ sở trường học hiện có, xây dựng thêm trường học tại các khu đô thị mới để đáp ứng nhu cầu phát triển; Đầu tư hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật như: giao thông, cấp điện, cấp thoát nước... theo định hướng quy hoạch đến năm 2035.

10.3. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn doanh nghiệp, xã hội hoá và nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện Sông Mã

- Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để chuyển giao cho các cơ quan quản lý cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định hiện hành;

- Tổ chức công bố, công khai quy hoạch; cắm mốc giới, biển pa nô công bố đồ án quy hoạch được duyệt;

- Căn cứ vào nguồn vốn, phân kỳ đầu tư, chủ trì đề xuất lập kế hoạch thực hiện theo quy hoạch trình UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định) xem xét, phê duyệt theo quy định pháp luật.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, đơn đốc UBND huyện Sông Mã lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

3. Giao Sở Xây dựng tổ chức thẩm định, hoàn thiện Quy định quản lý Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đến năm 2035 để ban hành kèm theo quyết định phê duyệt quy hoạch.

Điều 3: Chánh văn phòng UBND tỉnh Sơn La; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công thương, Lao động Thương

binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Sông Mã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (Toàn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh